556

BỆNH Ở ĐẦU - MẶT THẦN KINH

* <u>Bỗng nhiên đau đầu</u>: Bồ kết tán bột thổi vào mũi gây hắt hơi thì lành
* <u>Ngoại cảm đau đầu như búa bổ</u>: Gừng sống 1 lạng, Hành 14 củ đều giã nát, nước 1 bát sắc còn 6,7 phần uống nóng đắp chăn cho ra mồ hôi.
* <u>Đau đầu 1 bên hay đau chính giữa</u>: củ cải củ giã sống vắt nước năm ba giọt năm ngửa tuỳ bên phải bên trái nhỏ vào lỗ mũi một chốc thì lành

(- Gặp khi trở trời thì phát: Quế tâm tán bột một lang hoà với nước đắp trên đỉnh đầu và phía dưới trán là lành

* <u>Não bị phong đầu</u>: đậu đen 3 phần sao hơi có khói, lấy rượu 5 phần mà ngâm, đậy kín 7 ngày rồi uống hết.
* <u>Mặt ngứa lở chảy nước vàng</u>: Ngải cứu 2 lang, giấm 1 thăng lấy nồi đất nấu thật đặc thấm với giấy dán ngày 2 lần
* <u>Trên mặt bị phong ngứa lở</u>: Xà mướp, Bồ kết bằng nhau đốt thành tro trộn dầu vừng mà bôi

ĐAU TOÀN THỂ CÁI ĐẦU

* { Túc tam lý — tả pháp lưu 30'
  Hợp cốc
  Dương lăng tuyền

* { Bách hội
  Thần đình
  Phong trì } Mỗi ngải cứu 3 - 5 mồi

ĐAU ĐỈNH ĐẦU

* { Bách hội
  Liệt khuyết
  (Phong trì + Đại trữ + Thái dương)

* Do thận hư (da nâu sẫm, đau lưng, khí hư nhiều
  { Tả Bách hội
    Thông thiên
  Bổ Dũng tuyền
  (Nếu có bọ ăn)

* Do can: (ù tai đỏ mắt)
  { Bách hội
  Hành gian

Toán trúc: đau đầu như thắt bó lan tử mang tai vào hốc mắt

ĐAU BÊN ĐẦU (quan hệ với Đởm)

* Huyền chung tả lưu 15'
* Dũng tuyền cứu 3 môi
* Đầu duy + Liệt khuyết + Tỉ trúc không
* Thiên đầu thông:
  - Đầu duy
  - Khúc tấn
  - Chi câu
* Thái dương
  - Ngoại quan
  - Hiệp khê
* Huyền lư
  - Hãm yên

(*) Đau giữa phía trước đầu (kinh Dương minh)

* Thương tinh
  - Bách hội
  - Hợp cốc
  - Liệt khuyết

  > Tả lưu 15-20 phút

* Thương tinh + Tiền đỉnh

ĐAU PHÍA SAU ĐẦU (Bàng quang)

* Phong trì + Ngoại quan + Côn luân + Liệt khuyết
* Hậu đỉnh
  - Thân mạch
* Thiên trụ
  - Phong phủ
  - Côn luân

ĐAU QUANH Ụ MẮY

- Đầu duy
- Tán trúc
- Liệt khuyết
- Thần đình
- Ty trúc không

Tả lưu 15-20'

THEO NGUYÊN NHÂN

- Bách hội
- Ấn đường
- Hợp cốc

- Ngoại cảm đau: Phong trì + Liệt khuyết
- Nội thương đau: Túc tam lý
- Sốt cao: Đại chùy + Khúc trì
- Váng đầu, mất ngủ: Thần môn + Tam âm giao
- Tiêu hóa kém: Trung quản + Túc tam lý
- Quặn bụng, nôn mửa: Nội quan
- Bụng ngực chướng đau: Nội đình
- Đau quanh ụ mắy: Tán trúc. thấu Ngư yêu

* ĐAU TRONG ĐẦU

Phong trì + Phong phủ

* ĐAU NGOÀI ĐẦU

Bách hội + Thái dương + Ấn đường

U NÃO

cứu Tuyệt cốt

XƠ VỮA ĐỘNG MẠCH GÂY THIẾU MÁU NÃO

(đau đầu ê ẩm triền miên dẫn đến tê 1/2 người): Huyệt ly

bổ { Túc tâm khấp
Huyệt ly

BỆNH TINH THẦN

Thái ất

UẤT ỨC

Khổ phong (tả)

HỒI HỘP

{ Giải khê { Lệ đoài
Dương cốc { Đại đô

THẦN KINH SUY NHƯỢC

{ Bổ Hợp cốc { Khúc tri + Kiên tỉnh +
Thái dương { T.T.lý + T.Â. giao

LONGHI VẬN VỜ KHÓ NGỦ

{ Tả Phế du + Tỳ du
Thần môn + Nội quan + Tam âm giao
Phách hộ (D3) + Ý xá (Du)

MẤT NGỦ CĂNG THẲNG VỎ NÃO

- An miên
- Thần môn
- Tam âm giao

BIẾN ĐỘNG ÁP LỰC NÃO

- Lư tức
- Não không

CHỨNG GIẢN (ĐỘNG KINH)

đột nhiên mất ý thức chân tay co quắp

* Thường bạch (cứu cả trên dưới)
Dũng tuyền (cứu 4 - 5 mồi)

* Đại chùy, Bách hội > châm lưu 20' + cứu
Nhân trung, Giản sử > châm lưu 20'

Tuỳ chứng thêm: Phong phủ, Giáp xa, Thừa tương, Thần môn, Khúc trì, Phong long, Hậu khê...

UNG THƯ LƯỠI

Kim tân + Ngọc dịch, cứu Trung xung

NỨT LỞ LƯỠI (Th.xung + Ngiquan + T.A.giao)

{ Tả Thân môn
Bổ Hậu khê
chích Kim tân + Ngọc dịch

VIÊM LỢI

{ Tả Ngân giao + Nội đình + Thừa tướng +
Hợp cốc

(Nội đình: trị từ hầu họng đến miệng)

NHIỆT LỞ QUANH MÔI

{ Thừa tương (Đại lăng)
Đoài đoan

CHẢY DÃI

cứu Địa thương (trẻ em chỉ cần véo)

CỨNG LƯỠI KHÔNG NÓI ĐƯỢC

{ A' môn
Liêm tuyền

NGÁY KHI NGỦ

Tả Ngận giao

MẠI HẠCH KHÍ

mom gai C_3 (tả 2 bên Giáp tích)

VIÊM MÀNG NÃO

Phát rất nhanh, sốt cao, hôn mê, co giật cổ có sự chống đỡ có sự (não úng thủy não hộ có điểm đỏ) có sự nghiêng lệch

1) Giai đoạn cấp

- Sốt cao, co giật, nôn mửa, hôn mê trị theo triệu chứng
- Nhai nuốt khó, liệt mặt, khó vận động (chữa như trúng gió, bại liệt)
- Suy hô hấp: Hội âm (về chuyển lưu 20')
- Tuần hoàn suy kiệt: Nội quan → Giản sử (về 2-3', 10-20' về 1 lần) Túc tam lý + Thái khê châm nhẹ lưu kim)
- Đờm tắc: Thiên đột + Phong long + Túc tam lý + Nội quan + Liệt khuyết
- Phù não (não úng thủy): Phục lưu + Hợp cốc + Bách hội thấu Tứ thần thông
- Bụng chướng (liệt ruột): Thiên khu + Quan nguyên + Túc tam lý

2) Giai đoạn cuối và giai đoạn phục hồi

- Cổ cứng, uốn ván, co giật (co giật rất mạnh cũng có kết quả): Đại chùy + Hậu khê +

Lý trung + Nhân trung + Trường cường

- Run rẩy: như trên và gia giảm: Thiếu hải thấu Khúc trì, Khích môn, Hậu khê thấu Lao cung, Dưỡng lăng tuyền
- Tinh thần hưng phấn quá mấy động không yên: Nội quan + Thần môn + Túc tam lý + Thông lý + Tamâmgiao + Thái khê + Thái xung
- Ngủ sl, đàn đồn: Bách hội + Tứ thần thông + Ấn đường + Thông lý + Đại lăng thấu Lao cung
- Trong mắt rung động và nhìn lệch: Tán trúc thấu Ngư yêu + Phong trì (lưu 15') + Đồng tử liêu + Tinh minh + Hợp cốc
- Mờ mắt: Tán trúc thấu Ngư yêu + Tinh minh + Hợp cốc + Cầu hậu (châm đứng không vê) + Quang minh + Thái khê (lưu 30')
- Ý thức lơ mơ: Bách hội + Tứ thần thông + Phong trì + Phong phủ + Đại chùy + Thần môn.

Trúng cá:

- Hậu khê
- Chi chính
- Liệt khuyết
- Hãm cốc
- (Quan nguyên) (Côn luân)
- (Bội nước giải buổi tối)

- Thái khê
- Quan nguyên
- Khí hải
- Bách hội
- (Lâu không khỏi)

CÁC CHỨNG Ở KHOANG MÁ

Hãm cốc + Liệt khuyết

MŨI ĐỎ

- Nghinh hương
- Tố liêu

MẶT SƯNG PHÙ

- Hãm cốc
- Mục song

SƯNG ĐỎ TRƯỚC ĐẦU

- MI xung
- Khúc sai

TAI SƯNG ĐỎ

Giác tôn

TỐC RỤNG

- Bổ Hạ liêm
- Đốc du
- Thái khê

MÉO MIỆNG (tả / lãnh. bổ liệt)

(*)
- Địa thương thấu Giáp xa
- Bổ Liệt khuyết + Phong long
- Tả Hợp cốc

*
- Địa thương thấu Giáp xa
- Tứ bạch (dưới da từ trên xuống) } bình
- Dương bạch (thấu Ngư yêu) } bình
- Hợp cốc (tả)

(gia : Địa thương thấu Nhân trung hoặc Địa thương thấu Thừa tương)

- Châu nước mắt : Tình minh
- Khó nhai : Hạ quan
- Mắt khó nhắm : Dương bạch thấu Ngư yêu

ĐAU RĂNG.

* nước lá tía tô nhỏ mắt, bắt sâu

* { Hợp cốc (mũ kim chếch phía cổ tay)
  Giáp xa

- Phong hoả: Ngoại quan + Phong trì
- Hư hỏa: Thái khê + Hành gian
- Răng hàm trên đau: Nội đình + Hạ quan
- Răng hàm dưới đau: Liệt khuyết + Giáp xa (Nội đình)

* { Huyệt đau răng (thấu Lao cung)
  Hợp cốc

- Hàm trên: Hạ quan
- Hàm dưới: Giáp xa

* Hành gian

* Thiên ứng (châm từ ngoài da mặt vào thật đúng giữa lợi răng đau
  Hạ quan (trên)
  Giáp xa (đau hàm dưới
  Hợp cốc
  Lở loét chảy máu chân răng: Nội đình

* <u>Đau răng có sâu vì phong</u>: Tỏi 1 củ nướng chín xắt lát đắp vào chỗ đau, thay đổi luôn.

- Răng lạnh ê : bỏ Thiên lịch

* Răng sưng đau : (Lá cây bo mắm nhai ngậm)
- Rau sam giã lấy nước ngậm trong 1 ngày
- Rễ cỏ xước sắc lấy nước ngậm và súc miệng, hoặc đốt ra tro tán nhỏ xát vào
- Nhân hạt gấc mài với dấm thanh mà xát

* Chảy máu chân răng
- Tóc rối thăm sao cháy tán nhỏ xức vào
- Nước đái trẻ em dưới 3, 4 tuổi ngậm sau nhổ đi
- Lọ nồi tán nhỏ xát vào

* Nướu sưng lên vì nhiệt độc:
- Rêu mái nhà (hay rêu tường) sắc đặc cho vào ít muối mà ngậm

* Dây mướp phơi râm khi dùng đốt tồn tính tán nhỏ xát vào

* Các chứng đau răng: Mộc nhĩ, Kinh giới đều nhau, sắc nước thường súc miệng

MIỆNG LƯỠI

* Miệng lưỡi lở loét: củ cải tươi giã vắt lấy nước cốt mỗi ngày thường ngậm xúc miệng nhổ đi là lành.
- Rau húng nhổ cả rễ giã nát hoà với mật cho ngậm nuốt nước (đẹn khoét)

* Lưỡi rụt cấm khẩu: ngải cứu tươi giã nát đắp vào, hoặc ngải khô tẩm nước đắp.

* Lưỡi thè ra ngoài miệng: Hạt thầu dầu, dùng giấy gói lại khế dập cho dầu thấm ra cuộn giấy ấy làm môi cho lửa khói xông vào miệng

* Lưỡi bông nhiên sưng to: giấm trộn lọ nồi bôi lên trên lưỡi, tróc đi lại bôi

* Trẻ tưa lưỡi: vỏ bưởi đốt thành than, thoa vào lỗ đít. Lấy yếm cũ sạch thoa lên lưỡi
  - Nhựa chuối trộn dầu dừa bôi

* Môi miệng chúm, lở đau: rau sam sắc đặc dùng nước rửa luôn bôi vào

* Lở môi: mồ hôi trên nắp vung nồi mà bôi

* Trùng thiệt (lưỡi mọc cục thịt):
  - Tóc rối đốt cháy tán nhỏ, nửa đồng bôi lên lưỡi
  - Mai mực, đốt tán nhỏ, hoà lòng đỏ trứng gà bôi vào.

ĐIỂC BẨM SINH

- Bộ điểu chỉnh
- Trung chữ
- Tứ độc
- Nhĩ môn
- Ê pnong

VIÊM TAI CẤP - VIÊM TAI GIỮA

Tả can hỏa:

- Nhĩ môn
- Thính cung
- Thính hội
- Ế phong + Thái xung + Hợp cốc

Mãn đo âm hư thêm:

- Bỏ cách du
- Đảm du
- Thái khê

viêm vào xương chũm thêm:

Bỏ Tuyệt cốt + Thượng quan + Hạ quan

* Bỗng nhiên đau trong lỗ tai
  - Nước mài dao nhỏ 3,5 lần là lành
  - Nghệ vàng mài ra nước đặc đổ vào lỗ tai rồi nghiêng cho chảy ra là lành
* Thối tai chảy mủ
  - lá hẹ vắt lấy nước ngày nhỏ 3-4 lần
  - Hạt cau khô tán nhỏ thổi vào tai
* Trẻ con bị cào cào ăn tai:
  Trứng gà 3-4 quả luộc chín lấy lòng đỏ rán ra dầu mà bôi
* Mùa rét cóng nứt tai: gừng già lấy nước cốt và lại thành cao dùng bôi

BỆNH MẮT

* Trong tròng mắt có một vành trong suốt:
Mật ong sống dùng chút ít nhỏ vào mắt, năm ngửa, nửa ngày, mới rửa mỗi ngày nhỏ 1 lần

* Chảy nước mắt:
Mai mực tán mịn, hoà mật ong nhỏ mắt (chữa cả mắt sinh màng)

* Tắc tuyến lệ: Lâm khấp (đau)
- Can du
- { Can du
  Tinh minh
- { Phong trì
  Tinh minh (Tán trúc)
  cứu Nghinh hương

* Leo mắt:
Thân trụ (Phế du) chích
{ châm Tán trúc
  Thái dương
  Khúc trì
  Hợp cốc

* Mắt có màng sẹo: Lá rau ngót đắp giữa Đại lăng - Nội quan

* Đau mắt đỏ:
- Hợp cốc
  Thiếu thương
  Thương dương
  (Thái xung)
- Chích Đại chùy và 2 bên cạnh
- chích máu ở mạch tím sau vành tai
- Tình minh (Tán trúc)
  Thái dương
  Khúc trì
  Hợp cốc

* Quáng gà:
- Thiên trụ
  Dưỡng lão
- Tình minh
  Can du (cứu)
  Túc tam lý
  Quang minh

* Mắt mờ như có màng sương
- Nội quan + Dưỡng lão
- Chích nặn Toán trúc 3 lần

* Sụp mi: Bộ điểu chính + Thượng minh + Dương bạch thấu Ngư yêu.

CẬN THỊ

{ Thừa khấp
Ế minh
Phong trì

hay thay Tỵ trúc thông + Tán trúc
kết hợp ấn đay: Thái dương + Tán trúc +
Mi xung + Tinh minh + Thừa khấp

CÂM ĐIẾC

đầu tiên chữa điếc, sức nghe hồi phục
mới trị câm. Lấy huyệt Thiếu dương kinh
Nhĩ môn + Thính hội + Thính cung +
Ế phong + Ngoại quan + Trung chữ +
Á môn + Liêm tuyền

HUYỆT ĐẶC HIỆU

- Thương dương: mắt thanh manh (cứu bên đối diện của mắt bị bệnh)
- Hợp cốc: bệnh vùng mặt. gây tê để mổ
- Dương khê: toét mắt
- Ôn lưu: Nói cuồng thấy qui. Lưỡi thè lè ra
- Hạ liêm: rụng tóc
- Tỷ nhu: trị bệnh mắt

- Nghinh hương: mặt ngứa sưng phù, phong run run như có giun bò
- Giáp xa: đau răng hàm dưới
- Đại nghinh: mất đau không nhắm được
- Nhãn nghinh: Nói cuồng, thấy nghe lung tung.
- Khô phòng: uất khí gây bệnh, giải nôi buồn bực
- Ha cự hư: lông tóc khô
- Hãm cốc: mặt sưng, viêm xoang má
- Nội đình: đau răng hàm trên
- Lệ đoài: nhiều mộng mị, não bân huyết
- Thông lý: lưỡi cứng không nói, mất tiếng.
- Dương cốc: trẻ kinh giản, lưỡi cứng không bú.
- Dưỡng lão: mắt dính, mắt mờ.
- Tiểu hải: bệnh múa đạp
- Quyền liêu: khuông mắt động không dứt
- Thính cung: mất tiếng
- Tán trúc: chích nặn máu 3 lần mắt rất sáng
- Lạc khước: mắt thanh manh nội chướng (mắt mờ do nhãn áp tăng
- Ngọc chẩm: đầu đau, mắt như lồi ra
- Thiên trụ: gáy cứng, não nặng như lồi ra

- Phế du: chắp leo mọc ở mí mắt
- Đốc du: rụng tóc.
- Can du: các bệnh về mắt. Hắt hơi
- Nhiên cốc: Hầu họng sưng đau viêm họng hạt.
- Thái khê: Rụng tóc, choáng tiên đình
- Chiếu hải: Nhìn như thấy sao
- Thông cốc: Ngáp méo miệng
- Khích môn: cứu uất
- Gian sử trẻ hôn láo với khách
- Quan xung: viêm kết mạc
- Dịch môn: sưng trong và ngoài họng
- Trung chữ: tai ù, tai điếc
- Ế phong: đau thần kinh tam giao
- Khê mạch: ngưỡng nghe khuyếch đại sợ tiếng động
- Giác tôn: Tai sưng đỏ.
- Nhĩ môn: viêm khớp hàm dưới
- Đông tử liêu: nhìn thấy vật bị cong
- Thính hội: xương hàm dưới lồi cối cách nhau từ 1-2 thốn.
- Thừa quan: môi mép cứng
- Hàm yếm: viêm mũi, hay hắt hơi
- Huyền lư: mặt sưng da mặt đỏ

- Huyên ly: mặt phù thũng da mặt đỏ sưng
- Khúc tân: thiên đầu thống, đau đầu nhức mắt lam chột mắt
- Suất cốc: đau đầu hai góc não, phong sau khi say rượu (say rượu đau đầu)
- Dương bạch: Sụp mi
- Lâm khấp: cấp tính viêm kết mạc, viêm tuyến lệ
- Não không: thiên đầu thống lam chột mắt đau đầu lam tim loạn
- Phong trì: bệnh não, bệnh mắt
- Quang minh: bệnh ở mắt
- Khâu khư: thở dài
- Hiệp khê: mắt ngứa
- Hãnh gian: miệng méo
- Thân đao: ngáp hàm răng trật ra, miệng há không ngậm lại được
- Đại chuỳ: răng cửa khô
- Á môn: bệnh não phát triển không đều (bệnh về tuyến yên
- Phong phủ: trong đầu trăm thứ bệnh
- Não hộ: mắt vàng do tắc ruột cấp tính
- Bách hội: uống rượu mắt đỏ vô tâm lực
- Thần đình: Bệnh tinh thần, thần kinh

- Nhân trung : hôi môm (+ Đại lăng)
- Đoài đoan : lưỡi khô
- Ngận giao : mũi có thịt thừa (pô líp)
- Âm giao : trẻ em lõm thóp không đậy kín
- Thiên đột : da mặt nóng lòng đỏ ky.
- Liêm tuyền : các bệnh về lưỡi.
- Ngư tế : tâm phiền, hồi hộp lo sợ
- Chiếu hải : lưỡi nhác
- Uyển cốt : phiền muộn
- Phế du : hư phiền khô môm
- Khúc trạch : phiền khát, tâm nhiệt
- Cách du : Ham nằm không nói
- Dương phủ hay Huyền chung : thần kinh

TRÍ NHỚ KÉM

* Tâm du + Thần môn + Thiếu thương + D. tuyền
* Kh. trạch + A.L. tuyền + Giải khê + Thương khâu + Hợp cốc

NÓI MÊ

Thiếu thương + Đại đô + Hoành cốt

NGỦ MƠ SẢNG

* Ẩn bạch + Lệ đoài (Vị nhiệt)
* Gian sử + Hợp cốc.